

Bản án số: 66/2024/HS-ST

Ngày: 26 - 01 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thúy Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lò Thị Hiền

2. Bà Nguyễn Thị Việt Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Quảng Văn Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn T Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại phòng xử án, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 52/2023/TLST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Hồ A C**; Không có tên gọi khác;

Sinh ngày: 07/9/1987; tại tỉnh Đ;

Nơi cư trú: Bản H 2, xã M, huyện M, tỉnh Đ;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nương; Trình độ văn hóa: 05/12 phổ thông; Con ông: Hồ Vàng G (Đã chết); Con bà: Mùa Thị H; Vợ: Giàng Thị C; Con: Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2009; con nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/9/2023 cho đến ngày xét xử (Có mặt).

- Bị hại: Anh Nguyễn Văn T; Địa chỉ: Tổ dân phố 5, phường N, thành phố B, tỉnh Đ (Vắng mặt);

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Công ty TNHH và Thương mại H; Địa chỉ: Bản H, phường N, thành phố B, tỉnh Đ. Người đại diện theo pháp luật: Anh Đỗ Duy T, chức vụ: Giám đốc; Địa chỉ: Tổ dân phố 05, phường Mường T, thành phố B, tỉnh Đ (Vắng mặt);

+ Chị Giàng Thị C: Địa chỉ: Bản H 2, xã M, huyện M, tỉnh Đ (Có mặt);

- Người phiên dịch cho chị C: Ông Hồ Sá S; Địa chỉ: Bản H 2, xã M, huyện M, tỉnh Đ (Có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Hồ A C là nhân viên lái xe của công ty H. Vào ngày 26/8/2023, bị cáo C điều khiển xe đến gara ô tô Trường T của anh Nguyễn Văn T tại tổ 5, phường T, thành phố B để sửa xe. Trong quá trình sửa xe do C thao tác sai nên xe bị trôi về phía trước khoảng 01 mét. Ngày 31/8/2023, anh T trao đổi với anh T1 là giám đốc công ty H là C không biết lái xe, do vậy anh T1 đã cho C nghỉ việc. Do bức tức đối với anh T, khoảng 03 giờ ngày 01/9/2023, khi đang nghỉ ở lán công trình của công ty H, tại bản H, phường N, thành phố B Hồ A C đã nảy sinh ý định phá hoại xe của anh T. C Cẩn bị 01 vỏ chai nhựa có nắp màu đỏ, 01 chiếc giẻ tối màu, kích thước khoảng 20x20cm, 01 chiếc bật lửa ga màu xanh sau đó đổ nhớt thải vào chai nhựa rồi điều khiển xe mô tô BKS 27V1- 109.86 đi từ lán công trình đến gara ô tô Trường T. Khoảng 03 giờ 30 phút cùng ngày, C đến gara ô tô Trường T, dựng xe ở lề đường đối diện gara rồi cầm theo chai chứa nhớt và giẻ đã Cẩn bị sẵn đi vòng qua đầu xe, tiến đến gần chiếc lốp trước bên phải của xe đặt chiếc giẻ lên lốp xe, C đổ hết nhớt thải lên chiếc giẻ chờ nhớt thấm vào giẻ sau đó đặt chai nhựa lên chiếc giẻ rồi châm lửa đốt. Khi thấy lửa bùng lên, C lấy xe quay về lán công trình ngủ. Hậu quả, chiếc xe của anh Nguyễn Văn T bị cháy 01 chiếc lốp trước bên phải, vỏ ngoài lốp có 02 vết cháy bám bụi màu đen hằn ở lốp xe có kích thước 35cm x 30cm và 15cm x 0,7cm, cua rơ lốp trước, đầu trước bị sun bong sơn, bám khói bụi màu đen kích thước 10cm x 6cm, 01 chum dây cao su màu đen bị cháy hết, tổng thiệt hại là 6.165.000 đồng. Ngày 28/9/2023, C được mời đến trụ sở Công an thành phố để làm việc, tại đây C đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Kết luận giám định số 7189/KL-KTHS ngày 11/10/2023 của Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận, trong mẫu tạp chất cháy gửi giám định có tìm thấy dấu vết của dầu khoáng. Dầu khoáng thuộc danh mục hóa chất nguy hiểm về cháy, nổ.

Tại văn bản số 178/C09- P2 V/v: Giải thích kết luận giám định của Viện khoa học hình sự, Bộ công an ngày 15/01/2024 giải thích: Trong mẫu cần giám định (Gồm rơ và các sản phẩm cháy thu tại hiện trường) có tìm thấy dấu vết của dầu khoáng, nghĩa là tìm thấy các gốc hydrocacbon có trong dầu khoáng sau khi đã bị nhiệt tác động và cháy, căn cứ theo các số thứ tự 389, 406, 438, 441, 567, 568, 569, 570, 617 của Phụ lục 1 (Danh mục hàng hóa nguy hiểm) theo nghị định số 42/2020/NĐ-CP ngày 08/04/2020 của chính phủ.

Bản kết luận định giá tài sản số 47/QĐ ngày 26/9/2023, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố B, tỉnh Đ kết luận: Lốp xe tải mã 3521; trên lốp xe có ký hiệu KT691, 12.00R20, trên lốp xe in chữ nước ngoài, lốp xe bị cháy hoa lốp kích thước 15cm x 7cm, vỏ ngoài lốp dính ám khói màu đen trên diện tích 35cm x 30 cm có giá: 5.600.000 đồng; Cua (Rè) lốp trước, đầu trước bị sun bong

son, bám khói bụi màu đen kích thước 10cm x 6cm có giá: 560.000 đồng, chum dây cao su màu đen chiều dài 49 cm, gồm 12 sợi dây cao su nhỏ, có giá: 5000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo C đã làm hư hỏng của anh T là: 6.165.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 193/CT-VKSPĐBP ngày 15/11/2023, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Hồ A C về tội: Cố ý làm hư hỏng tài sản, theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 178/BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội " Cố ý làm hư hỏng tài sản", đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 178; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38/BLHS, xử phạt bị cáo Hồ A C từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về vật chứng vụ án: Tịch thu sung ngân sách: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu xanh – xám – đen kèm 01 giấy chứng nhận đăng ký xe BKS 27V1 – 109.86 và 01 chìa khóa xe. Trả lại cho chị C ½ giá trị chiếc xe moto BKS 27V1 – 109.86. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Anh T không yêu C bị cáo phải bồi thường thiệt hại đối với tài sản bị hư hỏng của mình, nên không đặt vấn đề xem xét. Anh T không yêu C bị cáo bồi thường số dầu nhớt bị can đã lấy đi để làm hư hỏng tài sản, nên không đặt vấn đề xem xét. Bị cáo sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn, nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa chị C trình bày: Việc bị cáo C sử dụng chiếc xe moto BKS 27V1 – 109.86 đi vi phạm pháp luật, chị không biết, tiền mua chiếc xe moto này là tài sản Cng của hai vợ chồng, chị đề nghị Hội đồng xét xử trả lại chiếc xe cho chị, ngoài chiếc xe moto này, gia đình chị còn một chiếc xe moto khác có BKS: 27B1- 612.46 đăng ký mang tên bị cáo Hồ A C.

Bị cáo không bổ sung thêm lời bào chữa nào, nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tại phiên tòa bị cáo cũng đề nghị Hội đồng xem xét trả lại chiếc xe moto BKS 27V1 – 109.86, bị cáo cũng thừa nhận ngoài chiếc xe moto này, gia đình bị cáo còn một chiếc xe moto khác có BKS: 27B1- 612.46 đăng ký mang tên bị cáo Hồ A C

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi của bị cáo bị truy tố: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra, phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định, vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định:

Vào khoảng 03 giờ 30 phút ngày 01/9/2023 tại trước cửa gara oto Trường T thuộc tổ 5, phường T, thành phố B, tỉnh Đ Hồ A C đã có hành vi sử dụng nhớt

thải có thành phần dầu khoáng là chất nguy hiểm về cháy nổ, châm lửa đốt để làm hư hỏng tài sản có tổng trị giá 6.165.000 đồng của anh Nguyễn Văn T.

Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản của bị cáo đã phạm vào tội: “Cố ý làm hư hỏng tài sản” quy định tại khoản 2 Điều 178/BLHS.

Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51/BLHS. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52/BLHS.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, việc dùng dầu nhớt thải có dầu khoáng thuộc danh mục hóa chất nguy hiểm về cháy, nổ đốt lớp xe ô tô của bị hại có thể để lại hậu quả khôn lường, vì lớp xe ô tô là vật dễ cháy. Hành vi của bị cáo gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội, Vì vậy, cần phải áp dụng một hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo là hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội.

[2]. Từ những phân tích trên khẳng định: Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đ truy tố bị cáo Hồ A C về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 178/BLHS là hoàn toàn đúng người, đúng tội.

Với hành vi phạm tội, cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như đã phân tích ở trên, thì mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố B, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 178/BLHS thì ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, nghề nghiệp của bị cáo là làm nương, thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn. Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu xanh - xám - đen kèm 01 giấy chứng nhận đăng ký xe BKS 27V1 - 109.86 mang tên Hồ A C và 01 chìa khóa xe. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị trả lại cho chị C ½ giá trị chiếc xe moto BKS 27V1 -109.86, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Giàng Thị C đề nghị xem xét trả lại chiếc xe cho bị cáo.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và chị C đều khẳng định đây là tài sản Cng của vợ chồng, nhưng cũng đều thừa nhận ngoài chiếc xe moto này thì hiện tại gia đình bị cáo còn có một chiếc xe moto khác mang BKS: 27B1- 612.46 đăng ký mang tên bị cáo Hồ A C. Do vậy chiếc xe moto BKS 27V1-109.86 không phải là phương tiện duy nhất của gia đình bị cáo, nhưng là phương tiện bị cáo C đã dùng vào việc phạm tội, nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47/BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106/BLTTHS, tịch thu sung ngân sách toàn bộ chiếc xe moto BKS 27V1 - 109.86, kèm đăng ký xe và chìa khóa xe. Do vậy, không chấp nhận yêu cầu của đại diện Viện kiểm sát cũng như bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Anh T, anh T1 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, nên không đặt vấn đề xem xét.

[5]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn, nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm d khoản 2 điều 178; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38/BLHS.

- Tuyên bố bị cáo Hồ A C phạm tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản".
- Xử phạt bị cáo Hồ A C 02 (Hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt đi chấp hành án.

2. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại, nên không đặt vấn đề xem xét.

3. Vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47/BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106/BLTTHS, tịch thu sung ngân sách xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu xanh - xám – đen, BKS 27V1- 109.86, số máy: KF53E-0044134, số khung: RLHKF530XNZ220295, vỏ xe có nhiều vết chầy xước, kèm 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số: 27000939, mang tên Hồ A C và 01 chìa khóa xe.

4. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333/BLTTHS, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 26/01/2024). Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 26/01/2024). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- NCQLNVLQ;
- VKSNDTPĐBP;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan CS điều tra Công an TPĐBP;
- Cơ quan THAHS TP ĐBP;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- Chi cục^{THADS} TPĐBP;
- TAND tỉnh Đ;
- HS Thi hành án HS;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Thúy Thành

